



Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

**Báo cáo Công bố thông tin theo Trụ cột 3 Basel II
tại ngày 30 tháng 06 năm 2026**



Nội dung	Trang	Bảng	Trang
Giới thiệu	4	Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có	5
Quy định về tỷ lệ an toàn vốn	4	Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn	7
Phạm vi công bố thông tin	4	Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	9
Các chỉ số chính	4	Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	10
Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	5	Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	10
Cơ cấu vốn tự có	5	Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	11
Tỷ lệ an toàn vốn	6	Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước	12
Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn	6	Bảng 8: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM	13
Kế hoạch vốn	7	Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	15
Rủi ro tín dụng	8	Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	18
Chính sách quản lý rủi ro tín dụng	8		
Xếp hạng tín nhiệm độc lập sử dụng khi tính CAR	11		
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	13		
Rủi ro hoạt động	14		
Chính sách quản lý rủi ro hoạt động	14		
Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục	15		
Rủi ro thị trường	16		
Chính sách quản lý rủi ro thị trường	16		
Chiến lược tự doanh	16		
Danh mục thuộc sổ kinh doanh	17		

Danh mục viết tắt

CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
RWA	Tổng tài sản tính theo rủi ro trọng yếu
ICAAP	Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
CRM	Giảm thiểu rủi ro tín dụng
ĐCTC	Định chế tài chính
ECAIs	Cơ quan xếp hạng tín dụng độc lập
HSRR	Hệ số rủi ro
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
RRTD	Rủi ro tín dụng
RRHD	Rủi ro hoạt động
RRTT	Rủi ro thị trường
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TSCRR	Tài sản có rủi ro
XHTNĐL	Xếp hạng tín nhiệm độc lập
XHTDNB	Xếp hạng tín dụng nội bộ

Giải thích thuật ngữ

TSCRR tín dụng	Tổng tài sản có chịu RRTD của ABBank, không bao gồm rủi ro tín dụng đối tác
Thông tư 41	Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 35	Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD
Thông tư 13	Thông tư 13/2018/TT-NHNN Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Giới thiệu

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn

Kể từ 01/01/2020, ABBank chính thức tuân thủ quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Thông tư 41) về tỷ lệ an toàn vốn đối với các TCTD theo tiêu chuẩn Basel. Theo đó, ABBank thực hiện tính toán TSCRR và yêu cầu về vốn tối thiểu theo Phương pháp tiêu chuẩn (Standardized approach – SA), để xác định tỷ lệ an toàn vốn (CAR).

Thông tư 41 cũng yêu cầu các ngân hàng thực hiện công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn và khung chính sách quản trị rủi ro định kỳ 6 tháng 1 lần.

Việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 41 nhằm cung cấp cho các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý,...) thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị tài sản có rủi ro cũng như khung quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó đánh giá được mức độ đủ vốn và năng lực quản trị rủi ro của ABBank.

Phạm vi công bố thông tin

Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn cung cấp thông tin định lượng và định tính, được xây dựng theo quy định tại Điều 20 và Phụ lục 5 của Thông tư 41, bao gồm: (1) Vốn tự có, (2) Tài sản có rủi ro theo các rủi ro trọng yếu quy định trong Thông tư 41 và (3) Khung quản lý rủi ro.

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin của ABBank và được đăng tải 6 tháng một lần tại website của ngân hàng: <https://www.abbank.vn>.

Thông tin công bố được đối chiếu với báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng kỳ.

Kỳ công bố tỷ lệ an toàn vốn kỳ này tại ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong báo cáo này, thuật ngữ “yêu cầu về vốn” và “vốn yêu cầu” được hiểu là tổng vốn yêu cầu tối thiểu được quy định ở mức 8% của TSCRR theo Điều 6, Thông tư 41.

Đơn vị: tỷ đồng, %			
Các chỉ số chính	30/06/2026	31/12/2025	Thay đổi
CAR	12.72%	11.40%	1.32%
CAR cấp 1	10.56%	8.87%	1.69%
Tổng vốn tự có hợp lệ	27,217	21,459	5,758
Tổng TSCRR	213,913	188,269	25,644
HSRR tín dụng bình quân	83.49%	79.03%	4.46%

Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Ngân hàng đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA") và theo đó, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") không còn là công ty con do Ngân hàng sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA"). Sau khi hoàn tất việc thoái vốn tại ABBA, ABBank không còn công ty con.

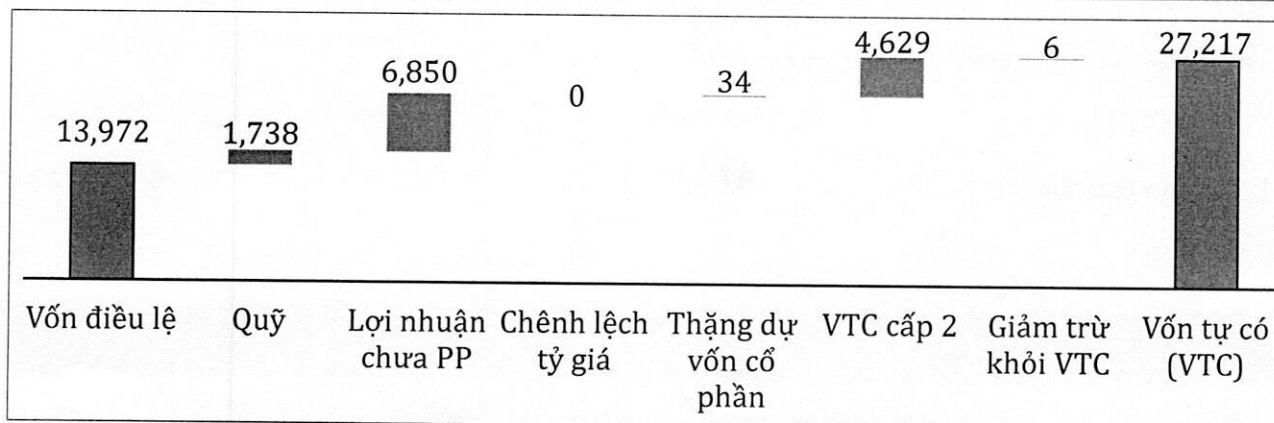
Do đó phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn chỉ bao gồm số liệu trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Ngân hàng.

Tại ngày 30/06/2026 ABBank không có khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có		Giá trị
A1	Vốn cấp 1	22,593
A2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	0
A	Tổng Vốn cấp 1 (A = A1-A2)	22,593
B1	Vốn cấp 2	4,829
B2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	200
B	Tổng Vốn cấp 2 (B=B1-B2)	4,629
C	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	6
D	Vốn tự có (D=A+B-C)	27,217



Tỷ lệ an toàn vốn

Đầu năm, ABBank luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) riêng lẻ cao hơn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN (8%) và cao hơn tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu tối thiểu là 9,5%.

Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

Dựa trên nền tảng OFSAA do Oracle phát triển, ABBank vận hành hệ thống tính toán tự động CAR để cung cấp kết quả CAR định kỳ và đột xuất theo quy định của NHNN và yêu cầu quản trị nội bộ.

Việc đầu tư vào hệ thống tính toán tự động CAR nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời cho quá trình tính toán, đồng thời thiết lập các nguyên tắc tính toán chính xác, linh hoạt.

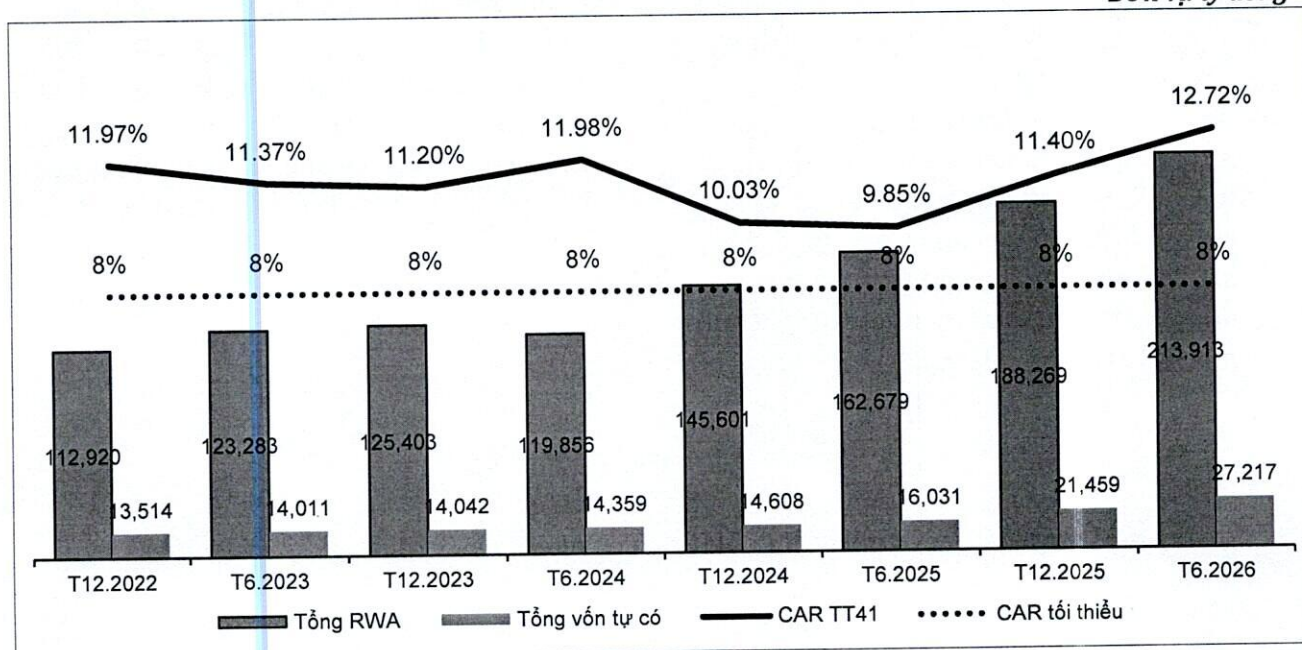
Hệ thống CAR giúp ABBank giảm thiểu các rủi ro tác nghiệp, đảm bảo tính chính xác và kịp thời của kết quả đầu ra.

ABBank khai thác kết quả Tài sản có rủi ro (TSCRR) của danh mục theo các chiều riêng biệt (sản phẩm, khách hàng, v.v.) nhằm tối ưu TSCRR và CAR, hỗ trợ cho công tác điều hành và quản lý CAR.

Để vận hành hệ thống hiệu quả, ABBank đã ban hành Quy định tính toán, báo cáo và quản lý tỷ lệ an toàn vốn quy định chi tiết bao gồm vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bên liên quan trong quy trình thu thập dữ liệu, tính toán CAR và thực hiện báo cáo tuân thủ cũng như các báo cáo quản trị nội bộ liên quan.

CAR&RWA THÔNG TƯ 41

Đơn vị: tỷ đồng



		Đơn vị: tỷ đồng
Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn		Giá trị
Tổng giá trị Tài sản có rủi ro		213,913
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng		197,349
A	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	317
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động		15,513
Tài sản tính theo rủi ro thị trường		734
Tổng vốn tự có hợp lệ		27,217
B	Vốn cấp 1 (sau giảm trừ)	22,593
	Vốn cấp 2 (sau giảm trừ)	4,629
	Các khoản trừ khác	6
C	Yêu cầu vốn tối thiểu và các tỷ lệ vốn	17,113
Tỷ lệ vốn cấp 1		10.56%
Tỷ lệ an toàn vốn		12.72%

Kế hoạch vốn

ABBank thực hiện quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) hàng năm theo quy định của Thông tư 13 và thông lệ tiên tiến của Basel.

❖ ABBank đã xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với kế hoạch kinh doanh trung hạn 2026-2028 cũng như khẩu vị rủi ro của Ngân hàng thông qua việc thực hiện bổ sung thêm Vốn tự có trong giai đoạn tiếp theo nhằm nâng tỷ lệ CAR mục tiêu tối thiểu là 9,5%.

ABBank đã thực hiện ICAAP năm 2026 nhằm xây dựng kế hoạch vốn đáp ứng vốn mục tiêu trong giai đoạn 2026-2028. Trong đó, ABBank thực hiện phân bổ vốn cho các đơn vị sở hữu Số / Khối kinh doanh để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn và là cơ sở cho hoạt động giám sát vốn.

Rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (RRTD) là một cấu phần trong Chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Ngân hàng, được xây dựng dựa trên các yêu cầu của cơ quan quản lý, và cụ thể hóa với đặc điểm kinh doanh của ABBank. Chính sách quản lý RRTD đưa ra các nguyên tắc và cơ sở cho hoạt động quản lý RRTD tại ABBank gồm:

- ❖ Công tác quản lý RRTD được thực hiện theo nguyên tắc của Basel II và tuân thủ các quy định của NHNN trên cơ sở nguồn lực đảm bảo, hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến;
- ❖ Quản lý RRTD toàn diện xuyên suốt 3 tuyến bảo vệ theo Chính sách QLRR, Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro, Định hướng tín dụng, Quy trình cấp tín dụng;
- ❖ Xây dựng, và quản trị các mô hình, hệ thống đo lường RRTD tiệm cận với các thông lệ tiên tiến;
- ❖ Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động cấp tín dụng, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý RRTD phải được xác định rõ ràng theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ độc lập.

Chiến lược quản lý RRTD

Căn cứ Chính sách quản lý RRTD, Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro tín dụng, chiến lược quản lý RRTD nhằm:

- ❖ Xác định mức RRTD ABBank có thể chấp nhận để đạt mục tiêu kinh doanh;
- ❖ Thiết lập hệ thống để nhận diện, đo lường, theo dõi, giám sát và báo cáo hiệu quả công tác quản lý RRTD;
- ❖ Xây dựng các biện pháp giảm thiểu RRTD và nguyên tắc áp dụng
- ❖ Quản lý RRTD song song với các mục tiêu chính của Ngân hàng: Hoạt động an toàn và khả năng sinh lời cao nhất trong hoạt động tín dụng.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (XHTDNB) được xây dựng để đo lường mức độ rủi ro của khách hàng khi chấm điểm lần đầu, định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết thông qua mức xếp hạng tín dụng.

Kết quả XHTDNB là một trong các cơ sở để xét duyệt cấp tín dụng, quản lý chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với phạm vi hoạt động và tình hình thực tế của Ngân hàng.

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, hệ thống XHTDNB được xem xét, sửa đổi, bổ sung trên cơ sở số liệu, thông tin khách hàng thu thập được trong năm.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRTD

ABBank liên tục ứng dụng phân tích dữ liệu hành vi khách hàng, am hiểu khách hàng, quản trị rủi ro gắn với mô hình, công cụ để phục vụ ra quyết định kinh doanh nhanh chóng, chính xác từ quản trị đến điều hành.

ABBank đã hoàn thiện việc xây dựng các mô hình định lượng cho toàn bộ phân khúc khách hàng bao gồm:

Mô hình đo lường PD (xác suất vỡ nợ); LGD (ước lượng tổn thất dự kiến tại thời điểm vỡ nợ), EAD (ước lượng giá trị tổn thất dự kiến tại thời điểm vỡ nợ), mô hình cảnh báo sớm RRTD, hướng đến việc tuân thủ Basel II, tiệm cận chuẩn IFRS9, Basel III của thông lệ quản trị rủi ro tiên tiến trên thế giới. Các mô hình rủi ro được kiểm định định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định nhằm đảm bảo chất lượng mô hình.

Đồng thời, ABB kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục, thông qua việc ứng dụng kết quả từ mô hình định lượng, các kỹ thuật, phương pháp phân tích dữ liệu vào các báo cáo quản trị danh mục tín dụng định kỳ/đột xuất nhằm phát hiện sớm rủi ro ở cấp độ danh mục, đồng thời theo dõi và cảnh báo kịp thời các chỉ số hạn mức rủi ro, khẩu vị rủi ro khi ở ngưỡng báo động.

RRTD được theo dõi trong suốt vòng đời của giao dịch tín dụng từ khâu đề xuất, thẩm định, phê duyệt và quản lý tín dụng để đảm bảo hoạt động cấp tín dụng tuân thủ quy định của pháp luật và quy định RRTD được kiểm soát chặt chẽ, theo chiến lược quản lý RRTD, hạn mức rủi ro góp phần giảm thiểu RRTD của ABBank.

Cơ chế trao đổi thông tin về quản lý RRTD được thiết lập theo nhiều chiều (top-down, bottom-up và giữa các bộ phận liên quan), đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận được thông báo, phổ biến, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu quản lý RRTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	Giá trị
Tài sản là khoản phải đòi nội bảng	182,021
Khoản phải đòi Chính phủ	0
Khoản phải đòi Định chế tài chính	44,302
Khoản đòi doanh nghiệp	64,018
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản (*)	0
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	3
Khoản phải đòi Bán lẻ	71,441
Nợ xấu	2,257
Khoản phải đòi khác	0
Tài sản là khoản phải đòi ngoại bảng	11,135
Khoản phải đòi bán lẻ	1,528
Khoản phải đòi doanh nghiệp	9,274
Nợ xấu	332
Các loại tài sản khác	4,193
Tổng TSCRR tín dụng	197,349

(*): Bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân; trừ khoản phải đòi thế chấp nhà ở cá nhân khoản cho vay chuyên biệt tài trợ dự án kinh doanh bất động sản

Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm

Giá trị

Giao dịch tự doanh	299
Giao dịch repo và giao dịch reserve repo	0
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	18
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính	0
Tổng TSCRR tín dụng đối tác	317

TSCRR theo ngành

Hoạt động tín dụng của ABBank được đa dạng hóa trên hầu khắp các ngành để đảm bảo giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung, tuy nhiên vẫn tập trung ở các ngành chính sau:

- ❖ Dịch vụ cá nhân;
- ❖ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

- ❖ Xây dựng;
 - ❖ Công nghiệp chế biến, chế tạo;
 - ❖ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Thông tin về các ngành nghề kinh tế được phân bổ theo danh sách ngành nghề theo quy định của Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định về chế độ báo cáo thống kê với các TCTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành

Giá trị

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2,894
Công nghiệp chế biến, chế tạo	13,271
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	744
Xây dựng	12,784
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	30,621
Vận tải kho bãi	1,364
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	51,479
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	31,200
Hoạt động kinh doanh bất động sản	11,586
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	807
Dịch vụ cá nhân	32,364
Ngành khác	8,233
Tổng TSCRR tín dụng theo ngành	197,349

Xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính CAR

Thông tư 41 yêu cầu sử dụng kết quả XHTNĐL do ECAIs cung cấp, để xác HSRR cho các loại khoản phải đòi sau:

- ❖ Chính quyền trung ương và các ngân hàng trung ương nước ngoài;
- ❖ Tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương các nước;
- ❖ Tổ chức tài chính (TCTC).

ABBank sử dụng một cách nhất quán, theo thứ tự ưu tiên, kết quả XHTNĐL của ba ECAIs sau:

1. **Moody's Investor Service;**
2. **Standard and Poor's**
3. **Fitch Rating.**

Các ECAIs này đều thỏa mãn yêu cầu của NHNN theo quy định tại Điều 5, Thông tư 41 về:

- ❖ Tính khách quan;
- ❖ Tính độc lập;
- ❖ Tính minh bạch ;
- ❖ Tính công khai;
- ❖ Năng lực;
- ❖ Độ tin cậy.

Tại thời điểm 30/06/2026, ABBank:

- ❖ Không có các khoản phải đòi của chính quyền và ngân hàng trung ương nước ngoài cũng như các khoản phải đòi của tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương nước ngoài;
- ❖ Có các khoản phải đòi TCTC nước ngoài;

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài

	HSRR	Giá trị
AAA đến AA-	20%	63
A+ đến BBB-	50%	389
BB+ đến B-	100%	0
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	0
Tổng		453

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước

		HSRR	Giá trị
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	0
	A+ đến BBB-	50%	0
	BB+ đến BB-	80%	8,559
	B+ đến B-	100%	16,578
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	6,143
	Tổng		31,280
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA đến AA-	10%	0
	A+ đến BBB-	20%	80
	BB+ đến BB-	40%	2,947
	B+ đến B-	50%	5,690
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	3,853
	Tổng		12,570

Handwritten signature

Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Trong số các biện pháp giảm thiểu RRTD (CRM) hợp lệ theo quy định của Thông tư 41, hiện tại, ABBank chưa sử dụng các biện pháp giảm thiểu RRTD sau:

- ❖ Bảo lãnh của bên thứ ba;
- ❖ Sản phẩm phái sinh tín dụng.

Với biện pháp CRM bằng tài sản đảm bảo (TSĐB), các TSĐB hợp lệ theo quy định gồm:

- ❖ Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- ❖ Vàng (vàng tiêu chuẩn, vàng vật chất, vàng trang sức với giá trị được chuyển đổi giá trị sang vàng 99.99);

- ❖ Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, NHNN phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- ❖ Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được XHTNĐL từ BB- trở lên;
- ❖ Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được XHTNĐL từ BBB- trở lên;
- ❖ Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội;

Quy định về CRM bằng TSĐB và bù trừ nội bảng thực hiện theo Chính sách đánh giá chất lượng Tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn của ABBank.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM

	<i>RWA trước khi áp dụng CRM(*)</i>	<i>Giá trị CRM</i>	<i>RWA sau khi áp dụng CRM</i>
Khoản phải đòi Chính phủ	0	0	0
Khoản phải đòi Định chế tài chính	52.742	17.100	44.302
Khoản phải đòi doanh nghiệp	66.871	2.214	64.018
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	0	0	0
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	3	0	3
Khoản phải đòi Bán lẻ	74.214	2.950	71.441
Nợ xấu	2.564	30	2.257
Các loại tài sản khác	4.192	0	4.193
Tài sản ngoại bảng	11.761	871	11.135
Tổng	212.348	23.165	197.349

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

- ❖ Trong kỳ báo cáo, ABBank tiếp tục thực hiện các định hướng và mục tiêu theo Quy định quản lý rủi ro hoạt động, tập trung hoàn thiện khung quản trị, tăng cường nhận diện và đánh giá rủi ro, nâng cao hiệu quả kiểm soát và giám sát rủi ro trên toàn hệ thống.
- ❖ Công tác quản lý sự kiện rủi ro, chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI), hoạt động trọng yếu, rủi ro công nghệ thông tin và kênh số, rủi ro thuê ngoài và kế hoạch ứng phó sự cố tiếp tục được tăng cường. Các tồn tại và sự kiện rủi ro phát sinh được theo dõi, phân tích nguyên nhân và yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện biện pháp khắc phục, hạn chế tái diễn.
- ❖ Trong thời gian tới, ABBank tiếp tục rà soát mức độ phù hợp của các Quy trình/quy định quản lý rủi ro hoạt động với tình hình hoạt động và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng; đồng thời ưu tiên nâng cao năng lực nhận diện, cảnh báo sớm và quản lý rủi ro theo hướng chủ động, phòng ngừa và tăng cường ứng dụng công nghệ.
- ❖ Nhằm đáp ứng yêu cầu của Thông tư 83/2025/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, ABBank đã rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định liên quan, bao gồm Quy định quản lý rủi ro hoạt động, Quy định quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài và Quy định quản lý hoạt động kinh doanh liên tục.

Chiến lược quản lý RRHD

- ❖ ABBank triển khai Chiến lược quản lý rủi ro hoạt động theo quy định, trong đó xác lập các nguyên tắc và định hướng quản lý đối với các nội dung trọng yếu như quản lý rủi ro hoạt động, quản lý hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ và duy trì hoạt động liên tục.
- ❖ Ngân hàng thiết lập các hạn mức rủi ro hoạt động, bao gồm hạn mức tổn thất tài chính và phi tài chính phù hợp với đặc

điểm, quy mô và mức độ trọng yếu của từng hoạt động.

- ❖ Công tác nhận diện, đánh giá và giám sát rủi ro hoạt động được thực hiện thông qua hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ, kết hợp theo dõi các sự kiện và tổn thất rủi ro, các chỉ số cảnh báo rủi ro và kết quả đánh giá rủi ro tại các đơn vị.
- ❖ Ngân hàng tiếp tục rà soát và cập nhật các phương án ứng phó sự cố, kế hoạch duy trì hoạt động liên tục nhằm chủ động phòng ngừa, hạn chế tổn thất và đảm bảo hoạt động ngân hàng được duy trì trong trường hợp xảy ra sự cố.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRHD

- ❖ ABBank đã triển khai đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động đối với các kênh cung cấp sản phẩm, dịch vụ, bao gồm cả kênh truyền thống và kênh số, nhằm nhận diện và kiểm soát rủi ro ngay từ quá trình xây dựng, triển khai và vận hành sản phẩm, dịch vụ.
- ❖ Đối với kênh số, công tác quản lý rủi ro được thực hiện ngay từ giai đoạn thiết kế sản phẩm/dịch vụ, trong đó các rủi ro liên quan đến quy trình, công nghệ, giao dịch, xác thực, gian lận và trải nghiệm khách hàng được xem xét trước khi sản phẩm được triển khai. Trong quá trình vận hành, các rủi ro phát sinh tiếp tục được theo dõi, đánh giá và đề xuất biện pháp kiểm soát phù hợp.
- ❖ Đối với kênh truyền thống, ABBank thực hiện đánh giá rủi ro đối với các sản phẩm, quy trình và hoạt động nghiệp vụ, tập trung nhận diện các điểm có rủi ro, đánh giá mức độ ảnh hưởng và tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát, từ đó đề xuất biện pháp xử lý và phòng ngừa phù hợp.

- ❖ Bên cạnh đó, ABBank tiếp tục theo dõi các sự kiện và tổn thất rủi ro hoạt động, chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI) và các dấu hiệu cảnh báo nhằm kịp thời nhận diện xu hướng gia tăng rủi ro, phân tích nguyên nhân và yêu cầu đơn vị liên quan thực hiện biện pháp khắc phục.
- ❖ Việc đánh giá rủi ro trên cả kênh số và kênh truyền thống, trong đó chú trọng nhận diện và kiểm soát rủi ro ngay từ giai đoạn thiết kế đối với sản phẩm, dịch vụ số, giúp ABBank tăng cường khả năng phòng ngừa, phát hiện sớm và kiểm soát rủi ro hoạt động trong suốt quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ và quản lý rủi ro hoạt động một cách chủ động, phù hợp yêu cầu của Thông tư 83/2025/TT-NHNN

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

- ❖ Tiếp nhận thông tin và hướng dẫn kịp thời cho các ĐVKD đối với các hoạt động gây gián đoạn kinh doanh liên tục.
- ❖ Phối hợp với cơ quan chức năng: Tăng cường phối hợp với cơ quan Công an và các cơ quan chức năng tại địa phương nhằm kịp thời nắm bắt thông tin về các vụ việc, tình huống có khả năng ảnh hưởng đến an ninh, an toàn và hoạt động của ĐVKD; qua đó chủ động cảnh báo, hướng dẫn và phối hợp triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp.
- ❖ Tính đến 30/06/2026, Khối QTRR,PC&TT hoàn thành diễn tập tại Ứng phó Cướp/ Khủng bố tại 2 ĐVKD. Tiếp tục công tác chuẩn bị cho việc diễn tập tại 5 đơn vị còn lại theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đồng thời phát sinh 5 ĐVKD thực hiện diễn tập theo khuyến nghị của công an Thành phố Đồng Nai. Khối QTRR, PC&TT đã trình duyệt phương án diễn tập cho các trường hợp phát sinh này.
- ❖ Nhằm chủ động xây dựng phương án ứng phó trong các trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, để đảm bảo các dịch vụ trọng yếu hoặc các sản phẩm quan trọng của ABBank khôi phục trong thời gian sớm nhất có thể, Khối QTRR,PC&TT đã điều chỉnh Quy định quản lý hoạt động kinh doanh liên tục phù hợp với Thông tư 83/2025/TT-NHNN.
- ❖ Về công tác truyền thông, trong 6 tháng đầu năm 2026, Khối QTRR,PC&TT đã tăng cường truyền thông cảnh báo giúp các ĐVKD chủ động ứng phó với các tình huống mưa bão, Chuẩn hóa Calltree – Nâng cao hiệu quả ứng phó sự cố.

Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHD

	<i>Giá trị</i>
IC (Thu nhập ròng từ lãi)	12.464
SC (Thu nhập ròng từ dịch vụ)	9.546
FC (Lãi/lỗ từ hoạt động Khối nguồn vốn)	2.811
BI (Chỉ số kinh doanh)	8.274
Vốn yêu cầu cho RRHD	1.241
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	15.513

Rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường tại ABBank bao gồm rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh và rủi ro ngoại hối.

Chiến lược quản lý RRTT

Chiến lược quản lý RRTT của ABBank thể hiện qua việc kiểm soát tốt mức vốn phân bổ cho rủi ro thị trường do TGD ban hành trên cơ sở khẩu vị rủi ro do HĐQT phê duyệt, gồm:

- ❖ Hạn mức giao dịch đối với từng giao dịch viên;
- ❖ Hạn mức cắt lỗ (Stop loss);
- ❖ Hạn mức trạng thái ngoại hối (NOP)
- ❖ Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01);
- ❖ Hạn mức giá trị chịu rủi ro tối đa;
- ❖ Hạn mức tổng trạng thái nắm giữ TPCP....

Đo lường RRTT

RRTT được đo lường thông qua các giá trị chịu rủi ro bằng cách sử dụng các phương pháp đo lường như VaR, cũng như các giới hạn tiền tệ, bao gồm trạng thái mở/đóng theo từng loại tiền tệ, các chốt chặn kiểm soát, độ nhạy đối với sự thay đổi lãi suất và dịch chuyển điểm cơ bản và kiểm tra sức chịu đựng, hạn mức giao dịch viên.

Tất cả các mô hình được kiểm soát chặt chẽ, kiểm thử, kiểm định độc lập và cập nhật theo chính sách do HĐQT phê duyệt.

Theo dõi và kiểm soát RRTT

RRTT được kiểm soát thông qua các biện pháp bao gồm thiết lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch tự doanh, thực hiện giao dịch thông qua hệ thống CNTT tiên tiến, rà soát các giao dịch được đề xuất so với các hạn mức được phê duyệt trước khi thực hiện, thiết lập một bộ nguyên tắc, quy định đầy đủ, nghiêm ngặt và được phổ biến cụ thể đến đội ngũ nhân viên tại các bộ phận front, middle và back office cũng như bộ phận quản lý rủi ro.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh ngoại tệ

Dựa trên khẩu vị rủi ro và phân tích tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, ngoài nước, kết hợp cùng các công cụ dự báo, bộ phận tự doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh kinh doanh giao dịch mua/bán các cặp ngoại tệ, các sản phẩm phái sinh ngoại tệ & lãi suất để tối ưu lợi nhuận cho ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn:

- ❖ Tự doanh cặp ngoại tệ USD/VND: giao dịch trong hạn mức cho phép căn cứ chênh lệch giá trên thị trường.
- ❖ Mua bán cặp ngoại tệ G7: dựa trên biến động các cặp ngoại tệ và nhu cầu của khách hàng
- ❖ Giao dịch các sản phẩm phái sinh: căn cứ trên biến động tỷ giá, lãi suất và chênh lệch kì hạn.

Chiến lược tự doanh các công cụ thu nhập cố định (Fixed Income)

Dựa trên phân tích và nhận định thị trường, khẩu vị rủi ro, nguồn lực, quy mô của ABBank, bộ phận tự doanh thực hiện các giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương (TPCP), các công cụ tài chính có lãi suất khác với chiến lược kinh doanh linh hoạt:

- ❖ Chiến lược mua bán ngắn hạn: (1) dựa trên sự biến động của lợi suất TPCP để thu lợi nhuận từ chênh lệch giữa giá mua và giá bán, (2) dựa trên biến động giá trái phiếu tương lai để đóng/mở trạng thái.
- ❖ Chiến lược Carry trade ngắn hạn: dựa trên chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và chi phí vốn khi đầu tư để thực hiện việc mua vào trái phiếu, nắm giữ và bán ra sau 1 thời gian xác định để thu lợi nhuận.
- ❖ Chiến lược mua bán ngắn hạn với các công cụ tài chính có lãi suất khác: mua bán ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.
- ❖ Thu lợi nhuận từ kinh doanh chênh lệch giá;
- ❖ Phòng ngừa các rủi ro thị trường;
- ❖ Không bị hạn chế về khả năng mua, bán theo bất kỳ quy định nào của pháp luật và của của ABBank;
- ❖ Có chiến lược tự doanh được sử dụng linh hoạt trong thời kỳ của ABBank;
- ❖ Có bộ phận kinh doanh chuyên trách trực tiếp thực hiện giao dịch;
- ❖ Có khả năng phòng ngừa rủi ro thị trường một cách đầy đủ.

Sổ Kinh doanh ghi nhận các trạng thái của:

- ❖ TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ❖ Giao dịch hợp đồng tương lai TPCP;
- ❖ Giao dịch mua/bán ngoại tệ giao ngay, giao dịch mua/bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ;
- ❖ Giao dịch phái sinh lãi suất (hoán đổi tiền tệ chéo, hoán đổi lãi suất);
- ❖ Các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức thỏa mãn yêu cầu của sổ Kinh doanh.

Danh mục thuộc sổ Kinh doanh

ABBank đã ban hành Quy chế quản lý sổ Kinh doanh và sổ ngân hàng theo đó, các khoản mục được xác định vào sổ Kinh doanh phải thỏa mãn một trong các mục đích kinh doanh:

- ❖ Thu lợi nhuận từ biến động giá trong ngắn hạn;

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT

Giá trị

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	47
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	12
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	59
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	734

NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HƯƠNG



NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

- 📍 Số 36 Hoàng Cầu, P. Đống Đa, Hà Nội
- ☎ 18001159 🌐 abbank.vn
- 📘 www.facebook.com/nganhanganbinh/